TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HN-ST
Ngày: 09-5-2024
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Đỗ Thanh Tuyến

Ông Đỗ Thanh Tùng

- **Thư ký phiên tòa**: bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2024/TLST –HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Qết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Huỳnh Ngọc Kim T, sinh năm 1998; địa chỉ: số 322D2, khu phố 4, phường 7, thành phố B, tỉnh B (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Trương Huỳnh Hoàng Q, sinh năm 1996; địa chỉ: số 08D, ấp B, xã B1, thành phố B, tỉnh B. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam K20, xã C, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Kim T trình bày:

Chị và anh Trương Huỳnh Hoàng Q kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B1, thành phố B, tỉnh B vào ngày 07/6/2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất hoà. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện hai bên tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

Con chung: Trương Huỳnh Anh T, sinh ngày 27/02/2014 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trương Huỳnh Hoàng Q trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị T về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện hai bên không còn tình cảm vợ chồng, không có khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Con chung: Trương Huỳnh Anh T, sinh ngày 27/02/2014 hiện ở với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

* *Tại phiên tòa:*

Chị Huỳnh Ngọc Kim T, anh Trương Huỳnh Hoàng Q vắng và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục:

Sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng Q định. Thẩm phán được phân công giải Qết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, Qền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải Qết đúng Q định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo Q định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ Q định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản Q phạm pháp luật có liên quan. Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng, đầy đủ Q định tại Điều 237 Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản Q phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử, Thư ký không vi phạm Q định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản Q phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ Qền, nghĩa vụ tố tụng theo Q định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu giải Qết, xét xử vụ án vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án vẫn được tiến hành xét xử đúng Q định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Kim T, cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị Huỳnh Ngọc Kim T được ly hôn với anh Trương Huỳnh Hoàng Q.

+ Về con chung: giao con chung là Trương Huỳnh Anh T, sinh ngày 27/02/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, chị Huỳnh Ngọc Kim T có Qền yêu cầu Tòa án Qết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Huỳnh Hoàng Q có Qền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức Q định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể Qết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: cả hai trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Kim T, bị đơn anh Trương Huỳnh Hoàng Q vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với Q định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: chị Huỳnh Ngọc Kim T và anh Trương Huỳnh Hoàng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Q định pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã B1, thành phố B, tỉnh B vào ngày 07/6/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị T cho rằng trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện hai bên không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn với anh Q và yêu cầu xét xử vắng mặt Anh Q cũng xác định hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay; hiện hai bên không còn tình cảm và đồng ý ly hôn với chị T. Qua đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với Q định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trương Huỳnh Anh T sinh ngày 27/02/2014. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị T, anh Q sống ly thân, cháu T do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống đã ổn định. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 22/4/2024, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Quá trình tố tụng, anh Q cũng không tranh chấp và đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó xét việc chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở, phù hợp với Q định pháp luật tại Điều

81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng, ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị T, anh Q trình bày không có, không yêu cầu giải Qết nên không xem xét, giải Qết.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Huỳnh Ngọc Kim T phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị Qết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Qết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc Kim T được ly hôn với anh Trương Huỳnh Hoàng Q.

2/- Con chung: Trương Huỳnh Anh T, sinh ngày 27/02/2014.

Giao Trương Huỳnh Anh T, sinh ngày 27/02/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có Qền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có Qền yêu cầu Toà án giải Qết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có Qền yêu cầu Tòa án hạn chế Qền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có Qền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng Qền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được Q định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể Qết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: chị T, anh Q trình bày không có, không yêu cầu giải Qết nên không xem xét, giải Qết.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Huỳnh Ngọc Kim T phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004859

ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, Qết định được thi hành theo Q định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Qền thỏa thuận thi hành án, Qền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có Qền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Các hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Ngọc Duyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã B1,
(Tp. B, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên